

Số: 1351 /QĐ- ĐVTDT

Thanh Hoá, ngày 13 tháng 09 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v: Ban hành mức thu học phí các loại hình đào tạo
tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa
Năm học 2022-2023**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HOÁ

Căn cứ Quyết định số: 1221/QĐ-TTg ngày 22/07/2011 của Chính phủ về thành lập Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa ;

Căn cứ Nghị định số: 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ về việc quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở Giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo ;

Căn cứ Nghị quyết số: 02/NQ-HĐT ngày 03/12/2021 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá;

Căn cứ Nghị quyết số: 20/NQ-HĐT ngày 12/09/2022 của Hội đồng trường về việc phê duyệt mức thu học phí các loại hình Giáo dục - Đào tạo tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa năm học 2022-2023 và lộ trình đến năm học 2025 - 2026.

Xét đề nghị của Phó Trường phòng phụ trách phòng Kế hoạch-Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành mức thu học phí các loại hình đào tạo tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa năm học 2022-2023 *(có phụ lục kèm theo)*. Chính sách miễn, giảm học phí được tính theo mức học phí của ngành và hệ tương đương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, được thực hiện trong năm học 2022- 2023.

Điều 3. Các ông (bà) Phó Trường phòng phụ trách phòng Kế hoạch-Tài chính, Trưởng các đơn vị, tổ chức đoàn thể và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận. 

- BGH, CTHĐT;
- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu : VT, KHTC.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Hà

PHỤ LỤC

Mức thu học phí các loại hình đào tạo tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa năm học 2022-2023.

(Kèm theo Quyết định số: 1351/QĐ- ĐVTDT ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa)

DVT: Đồng/sinh viên/tháng

TT	Khối ngành đào tạo	Mức thu
A	KHỐI NGÀNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY.	
I	Bậc Tiến sĩ.	
	Ngành Quản lý Văn hóa	2.220.000
II	Bậc Thạc sĩ.	
	Ngành Quản lý Văn hóa, Quản lý công	1.332.000
III	Bậc Đại học chính quy.	
1	ĐẠI HỌC (năm thứ 1) (Nhập học năm học 2022- 2023)	
1.1	- Các ngành sư phạm: Âm nhạc, Mỹ thuật, Mầm non, Giáo dục Thể chất. - Ngành Luật.	925.000
1.2	Các ngành nghệ thuật: Thanh Nhạc, Đồ họa, Thiết kế thời trang.	888.000
1.3	Các ngành khác: Quản lý Văn hóa, Thông tin -Thư viện, Công nghệ truyền thông, Công tác xã hội, Quản lý nhà nước, Du lịch, Quản trị khách sạn, Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Quản lý Thể dục Thể thao, Ngôn ngữ anh.	888.000
2	ĐẠI HỌC (năm thứ 2) (Nhập học năm học 2021- 2022)	
2.1	- Các ngành sư phạm: Âm nhạc, Mỹ thuật, Mầm non, Giáo dục thể chất. - Ngành Luật.	925.000
2.2	Các ngành nghệ thuật: Thanh Nhạc, Đồ họa, Thiết kế thời trang.	888.000
2.3	Các ngành khác: Quản lý Văn hóa, Thông tin -Thư viện, Công nghệ truyền thông, Công tác xã hội, Quản lý nhà nước, Du lịch, Quản trị khách sạn, Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Quản lý Thể dục Thể thao, Ngôn ngữ anh.	888.000
3	ĐẠI HỌC (năm thứ 3) (Nhập học năm học 2020- 2021)	
3.1	- Các ngành sư phạm: Âm nhạc, Mỹ thuật, Mầm non, Giáo dục thể chất. - Ngành Luật.	975.000
3.2	Các ngành nghệ thuật: Thanh Nhạc, Đồ họa, Thiết kế thời trang.	936.000
3.3	Các ngành khác: Quản lý Văn hóa, Thông tin -Thư viện, Công nghệ truyền thông, Công tác xã hội, Quản lý nhà nước, Du lịch, Quản trị khách sạn, Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Quản lý Thể dục Thể thao, Ngôn ngữ anh.	936.000
4	ĐẠI HỌC (năm thứ 4) (Nhập học năm học 2019- 2020)	
4.1	- Các ngành sư phạm: Âm nhạc, Mỹ thuật, Mầm non, Giáo dục thể chất. - Ngành Luật.	975.000
4.2	Các ngành nghệ thuật: Thanh Nhạc, Đồ họa, Thiết kế thời trang.	936.000
4.3	Các ngành khác: Quản lý Văn hóa, Thông tin -Thư viện, Công nghệ truyền thông, Công tác xã hội, Quản lý nhà nước, Du lịch, Quản trị khách sạn, Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Quản lý Thể dục Thể thao, Ngôn ngữ anh.	936.000

	ngữ Anh.	
IV	Bậc Trung cấp chính quy.	
1	TRUNG CẤP (Năm thứ nhất) (Nhập học năm học 2022- 2023)	
1.1	Trung cấp năng khiếu Thanh Nhạc, Nhạc cụ.	873.600
1.2	Trung cấp năng khiếu Mỹ thuật.	873.600
2	TRUNG CẤP (Năm thứ hai) (Nhập học năm học 2021- 2022)	
2.1	Trung cấp năng khiếu Thanh Nhạc, Nhạc cụ.	873.600
2.2	Trung cấp năng khiếu Mỹ thuật.	873.600
3	TRUNG CẤP (Năm thứ ba) (Nhập học năm học 2020- 2021)	
3.1	Trung cấp năng khiếu Thanh Nhạc, Nhạc cụ.	923.500
3.2	Trung cấp năng khiếu Mỹ thuật.	923.500
B	KHỐI NGÀNH ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC	
I	Các lớp đào tạo liên thông vừa làm vừa học tại trường . <i>Áp dụng bằng 115% học phí bậc đại học chính quy cùng khối ngành đào tạo tương đương.</i>	
1.1	- Các ngành sư phạm: Âm nhạc, Mỹ thuật, Mầm non, Giáo dục thể chất. - Ngành Luật.	1.063.000
1.2	Các ngành nghệ thuật: Thanh Nhạc, Đồ họa, Thiết kế thời trang.	1.021.000
1.3	Các ngành còn lại: Quản lý Văn hóa, Thông tin -Thư viện, Công nghệ truyền thông, Công tác xã hội, Quản lý nhà nước, Du lịch, Quản trị khách sạn, Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Quản lý Thể dục Thể thao, Ngôn ngữ anh.	1.021.000
II	Các lớp đào tạo liên thông vừa làm vừa học liên kết ngoài trường. <i>Áp dụng tối thiểu bằng 115% và tối đa không vượt quá 150% lần mức học phí bậc đại học chính quy cùng khối ngành đào tạo (tùy thuộc vào địa điểm đặt lớp, sĩ số, nhân lực, cơ sở vật chất,...).</i>	
1.1	- Các ngành sư phạm: Âm nhạc, Mỹ thuật, Mầm non, Giáo dục thể chất. - Ngành Luật.	Từ 1.063.000 đến 1.380.000
1.2	Các ngành nghệ thuật: Thanh Nhạc, Đồ họa, Thiết kế thời trang.	Từ 1.021.000 đến 1.330.000
1.3	Các ngành khác: Quản lý Văn hóa, Thông tin -Thư viện, Công nghệ truyền thông, Công tác xã hội, Quản lý nhà nước, Du lịch, Quản trị khách sạn, Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Quản lý Thể dục Thể thao, Ngôn ngữ anh.	Từ 1.021.000 đến 1.330.000